

Bản án số: 93/2025/DS-ST
Ngày 22 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim

Bà Trần Thị Hoài Yên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Tấn Thiên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Dương Chí L, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông L, bà H thống nhất trình bày:

Ngày 19/3/2024, ông bà có cho ông T, bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, lúc vay có làm biên nhận, ông T, bà P có ký tên vào biên nhận. Ông T, bà P đóng lãi đến hết tháng 5 năm 2024 thì ngưng đóng đến nay, số tiền lãi ông T, bà P nợ ông bà từ ngày 19/6/2024 đến ngày 19/02/2025 âm lịch là 09 tháng với

số tiền là 7.497.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 57.497.000 đồng. Theo thỏa thuận khi nào ông T, bà P có tiền thì trả cho ông bà nhưng đến nay ông T, bà P không trả gốc và cũng không đóng tiền lãi.

Do ông T, bà P đã ly hôn nên ông bà yêu cầu ông T, bà P mỗi người trả $\frac{1}{2}$.

Bà P trình bày:

Bà thống nhất vợ chồng bà có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, bà sẽ thỏa thuận phương thức trả nợ với nguyên đơn tại giai đoạn thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên được xem là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với văn bản ngày 19/3/2024, có chữ ký của bị đơn thể hiện nội dung bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, theo nguyên đơn trình bày, quá trình vay bị đơn không thanh toán nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ trên.

Tại phiên tòa, bà P thừa nhận bà và ông T có nợ số tiền nêu trên và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn, đối với ông T, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

Do ông T và bà P đã ly hôn theo bản án số 22/2025/HNGĐ – ST ngày 04/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, đã có hiệu lực pháp luật nên buộc ông T, bà P mỗi người có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ với số tiền 25.000.000

đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T phải chịu 1.250.000 đồng, bà P phải chịu 1.250.000 đồng.
- Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và ông Dương Chí L.

- Buộc ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H, ông L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bà Huỳnh Ngọc P có nghĩa vụ trả cho bà H, ông L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H và ông L không phải chịu, hoàn trả lại cho bà H, ông L 1.437.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003895 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông T và bà P mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

